

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

Số: 48/2016/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 24 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020**

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

ĐẾN Số: 53.76
Ngày: 28/11
Chuyên: 300/1/2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 12 năm 2016 và thay thế các Quyết định: Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức hỗ trợ các loại vật tư, con giống, công trình xử lý chất thải để nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai

đoạn 2015 - 2020; Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 26/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức hỗ trợ các loại vật tư, con giống, công trình xử lý chất thải để nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: NN&PTNT, Tài chính;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Sở: TP, KH&ĐT, TN&MT, CT, TT&TT;
- Cục: Thuế, Thống kê TV;
- Kho bạc Nhà nước TV;
- NHNN Chi nhánh TV;
- Báo, Đài PT&TH TV;
- LĐVP;
- Website Chính phủ;
- Các Phòng: KT, CN-XD, KG-VX, NC, TH và TT. TH-CB;
- Lưu: VT, NN. *36/2015*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái

QUY ĐỊNH

Hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 48 /2016/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ hộ chăn nuôi về phối giống nhân tạo gia súc, con giống vật nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ và bảo vệ môi trường.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi heo, trâu, bò, gia cầm, trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp (sau đây gọi là hộ chăn nuôi).

b) Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (bao gồm: trâu, bò, heo).

Điều 2. Kinh phí hỗ trợ và nguyên tắc áp dụng hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 3. Hỗ trợ hộ chăn nuôi phối giống nhân tạo cho heo

1. Hỗ trợ 100% kinh phí về liều tinh cho hộ chăn nuôi để thực hiện phối giống cho heo nái. Mức hỗ trợ không quá 02 liều tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liều tinh cho một heo nái/năm. Đơn giá liều tinh theo giá thực tế tại thời điểm thực hiện phối giống.

2. Tiêu chuẩn chất lượng liều tinh: Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Điều kiện được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Hỗ trợ hộ chăn nuôi phối giống nhân tạo cho trâu, bò

1. Hỗ trợ 100% kinh phí vật tư phối giống nhân tạo cho hộ chăn nuôi phối giống cho trâu, bò cái sinh sản (tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay, dẫn tinh quản hoặc ống dẫn tinh). Đơn giá liều tinh và vật tư phối giống nhân tạo theo giá thực tế tại thời điểm thực hiện phối giống.

2. Định mức liều tinh và vật tư

- Liều tinh: Không quá 02 liều tinh/bò cái/năm, 04 liều tinh/trâu cái/năm.

- Nitơ lỏng: Dùng để vận chuyển tinh đi phối giống, không quá 1,5 lít/bò cái có chữa, 03 lít/trâu cái có chữa.

- Vật tư khác (găng tay, dẫn tinh quản hoặc ống dẫn tinh): Phù hợp theo số liều tinh sử dụng.

3. Tiêu chuẩn chất lượng liều tinh: Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Điều kiện được hưởng hỗ trợ: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Hỗ trợ hộ chăn nuôi mua heo, trâu, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị

1. Hỗ trợ một lần 50% giá trị con heo đực giống (từ 6 tháng tuổi trở lên) cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để thực hiện phối giống dịch vụ. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 con heo đực giống. Mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 03 con heo đực giống.

2. Hỗ trợ một lần 50% giá trị con trâu, bò đực giống (từ 12 tháng tuổi trở lên đối với bò và 24 tháng tuổi trở lên đối với trâu) cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để thực hiện phối giống dịch vụ. Mức hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/1 con bò đực giống; không quá 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng)/1 con đối với trâu đực giống. Mỗi hộ được hỗ trợ mua 01 con bò đực giống hoặc 01 con trâu đực giống.

3. Hỗ trợ một lần 50% giá trị gà, vịt giống bố mẹ hậu bị (trên 8 tuần tuổi). Mức hỗ trợ bình quân đối với gà, vịt giống không quá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng)/1 con. Mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 200 con gà hoặc 200 con vịt giống bố mẹ hậu bị.

4. Tiêu chuẩn, chất lượng con giống: Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

5. Điều kiện được hưởng hỗ trợ: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Hỗ trợ hộ chăn nuôi xử lý chất thải

1. Hỗ trợ một lần 50% giá trị xây công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 công trình/1 hộ;

2. Hỗ trợ một lần 50% giá trị làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 hộ.

3. Kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi: Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

4. Điều kiện được hưởng hỗ trợ: Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc

1. Hỗ trợ một lần 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc theo mức quy định của cơ sở đào tạo, tập huấn được Cục Chăn nuôi chỉ định. Mức hỗ trợ không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/1 người.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 8. Hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc

1. Hỗ trợ một lần 100% giá trị bình chứa Nitơ lỏng cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 bình/1 người.

2. Tiêu chuẩn, chất lượng bình chứa Nitơ lỏng: Loại bình chuyên dùng chứa Nitơ lỏng, dung tích từ 1,0 - 3,7 lít.

3. Điều kiện hưởng hỗ trợ: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 9. Cơ chế tài chính và phương thức hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước tháng 8 của năm trước liền kề; đồng thời, hướng dẫn cơ quan quản lý chuyên ngành cấp huyện xác nhận hộ mua con giống, áp dụng kỹ thuật xử lý chất thải đáp ứng quy định để được hưởng chính sách, theo dõi việc triển khai thực hiện Quy định này.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định, công bố danh sách và giao nhiệm vụ các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi cung cấp tinh, con giống và vật tư trên địa bàn.

c) Chỉ đạo đơn vị chuyên môn làm đầu mối kiểm tra chất lượng tinh gia súc và con giống vật nuôi, bình chứa Nitơ lỏng; tổ chức đào tạo, tập huấn phối giống nhân tạo gia súc theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

d) Hàng năm kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Tài chính

Hàng năm căn cứ khả năng ngân sách và các nguồn tài chính khác, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách có hiệu quả.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức điều tra đến hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm về nhu cầu chính sách hỗ trợ, lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước tháng 7 của năm trước liền kề để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước tháng 8 của năm trước liền kề.

Phối hợp rà soát, cung cấp danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi hoặc vật tư chăn nuôi cung cấp tinh, con giống và vật tư đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng cho người chăn nuôi trên địa bàn chủ động lựa chọn. Xác nhận các hộ mua con giống, áp dụng kỹ thuật xử lý chất thải đáp ứng quy định để được hưởng chính sách hỗ trợ.

b) Tuyên truyền phổ biến rộng rãi Quy định này để các đối tượng hưởng chính sách biết, thực hiện.

c) Quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hàng năm; nghiệm thu, thanh lý các hạng mục hỗ trợ trên địa bàn theo quy định.

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan ở địa phương thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của Nhà nước: Danh sách hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, kinh phí hỗ trợ trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tại ấp, khóm theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách đối với các cá nhân, dân cư.

- Thực hiện hỗ trợ đúng đối tượng, công khai danh sách các đối tượng được hưởng đến từng ấp, khóm, xã, phường, thị trấn; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chính sách tại địa phương.

5. Trách nhiệm của hộ chăn nuôi

a) Thực hiện kỹ thuật chăn nuôi an toàn theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Chăn nuôi bảo đảm vệ sinh phòng dịch, bảo vệ môi trường gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

c) Chăm sóc, nuôi dưỡng và khai thác con đực giống ít nhất 24 tháng đối với heo; 48 tháng đối với trâu, bò; 12 tháng đối với gà, vịt giống bố, mẹ hậu bị; trừ trường hợp chết, loại thải hoặc thiên tai, dịch bệnh.

d) Không sử dụng con đực heo, trâu, bò không đạt tiêu chuẩn để phối giống dịch vụ.

đ) Thực hiện các quy định và hướng dẫn của địa phương để được hưởng chính sách hỗ trợ.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái